**ÐẠI HỌC HUẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TRƯỜNG ÐẠI HỌC KINH TẾ **Ðộc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số: 580/QĐ-ĐHKT ngày 22 tháng 10 năm 2020

của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

 **Tên chương trình:** KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

**Tên chương trình:** ECONOMICS AND MANAGEMENT OF ENVIRONMENTAL RESOURCES

**Trình độ đào tạo:** ĐẠI HỌC

**Ngành đào tạo:** KINH TẾ

**Mã ngành đào tạo:** 7310101

**Loại hình đào tạo:** CHÍNH QUY

**I. Mục tiêu đào tạo**

***1.1. Mục tiêu chung***

Chương trình đào tạo cử nhân, nhân sự chuyên nghiệp ngành KT & QLTNMT, có chuyên môn cao và năng lực phân tích, vận dụng các công cụ QLTNMTvào giải quyết các vấn đề liên quan trong các cơ quan, doanh nghiệp, và tổ chức phi chính phủ.

***1.2. Mục tiêu cụ thể***

Hoàn thành CTĐT, cử nhân chuyên ngành KT & QLTNMTsẽ:

- Được trang bị kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường.

- Được trang bị năng lực tư duy, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn; sử dụng thành thạo tin học, ngoại ngữ, và kỹ năng khác*.*

- Đào tạo cho người học có phẩm chất tốt, tinh thần cầu tiến, thực hiện tốt nội quy công việc, và có tinh thần trách nhiệm với vị trí công việc đảm nhận.

***2.1. Chuẩn về kiến thức***

***2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương***

(CĐR1) Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào cuộc sống và nghề nghiệp;

(CĐR2) Có chứng chỉ Giáo dục thể chất, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp;

(CĐR3) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh; vận dụng được các kiến thức Quốc phòng – An ninh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

(CĐR4) Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21/3/2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế;

(CĐR5) Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

(CĐR6) Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.

***1.2.1.2. Kiến thức chung trong lĩnh vực kinh tế và quản lý (Kiến thức của khối ngành)***

(CĐR7) Vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán ứng dụng, công nghệ thông tin, và các công cụ xác suất, thống kê ứng dụng trong nghiên cứu kinh tế để trang bị các công cụ phân tích kinh tế cơ bản.

(CĐR8) Vận dụng được các kiến thức về kinh tế học, các kiến thức cơ bản liên quan tới quản trị học, nguyên lý kế toán, tài chính để nhận diện và giải thích được các vấn đề và hiện tượng kinh tế xã hội; làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho các kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường.

***1.2.1.3. Kiến thức ngành – chuyên ngành***

* **Kiến thức chung của ngành**

(CĐR9) Vận dụng các kiến thức chung và cơ bản nền tảng của ngành (Kinh tế vi mô 2, Kinh tế vĩ mô 2, Kinh tế môi trường, Phương pháp nghiên cứu, Luật kinh tế) để nhận diện, mô tả các vấn đề cơ bản về kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường.

* **Kiến thức chuyên sâu của ngành**

(CĐR10) Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường và các kiển thức bổ trợ để nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề về kinh tế tài nguyên và môi trường; đánh giá, lựa chọn và vận dụng các công cụ quản lý tài nguyên môi trường vào giải quyết các vấn đề có liên quan nhằm hỗ trợ quá trình lập và ban hành quyết định, chính sách trong các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu sử dụng nhân lực, dịch vụ đánh giá về kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường.

(CĐR11) Vận dụng thành thạo các kiến thức, nghiệp vụ chuyên sâu về Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường để thực hiện các phân tích kinh tế tài nguyên và môi trường, quản lý tài nguyên và môi trường theo yêu cầu của thực tiễn.

* **Kiến thức thực tập cuối khóa**

(CĐR12) Sử dụng các kiến thức đại cương, kiến thức chung và kiến thức chuyên sâu, kỹ năng và phương pháp được học để thực hiện các nghiên cứu (khóa luận, chuyên đề) về các chủ đề có liên quan tới chuyên ngành đào tạo

***1.2.2. Chuẩn về kỹ năng và năng lực thực hành nghề nghiệp***

(CĐR13) Nhận diện vấn đề, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường để phân tích, thiết kế, xây dựng nghiên cứu, tổ chức và triển khai thực hiện, hoạch định, đánh giá các nghiên cứu, dự án, vấn đề kinh tế xã hộitrong lĩnh vực kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường, chính sách tài nguyên môi trường, chiến lược phát triển bền vững tài nguyên,chính sách quản lý và bảo tồn tài nguyên;

(CĐR14) Trực tiếp chủ trì hoặc tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội – môi trường trong quản lý tài nguyên và môi trường hoặc các lĩnh vực khác có liên quan.

(CĐR15) Áp dụng kỹ năng điều tra và sử dụng được các công cụ toán học, công nghệ thông tin trong phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội trong quản lý tài nguyên và môi trường.

(CĐR16) Áp dụng kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích các vấn đề một cách logic, nhìn nhận vấn đề đa chiều dưới nhiều góc độ, và kỹ năng lập luận tư duy, giải quyết vấn đề để đưa ra các đánh giá, giải pháp thích hợp, thỏa đáng cho các tình huống công việc trong lĩnh vực kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường;

(CĐR17) Áp dụng kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (gồm kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu, bổ sung, cập nhật, phát triển kiến thức, và thực hành tư duy phản biện) trong học tập, nghiên cứu và làm việc để nâng cao hiệu quả công việc;

(CĐR18) Vận dụng thành thạo các kỹ năng: làm việc độc lập (tự học, tự nghiên cứu, tự chịu trách nhiệm) và làm việc nhóm (quản lý nhóm, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp), phong cách làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý và lãnh đạo, kỹ năng quản lý thời gian trong các công việc đảm nhận, kỹ năng giao tiếp, xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồngtrong các công việc đảm nhận.

***1.2.3. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

(CĐR19) Thể hiện năng lực tự học, tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập, phát triển nghề nghiệp suốt đời;

(CĐR20)Thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt trong môi trường làm việc áp lực và cạnh tranh; sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro trong công việc; tư duy phản biện; phong cách làm việc tích cực, tự tin, nhiệt tình, say mê, tự chủ, năng động, sáng tạo trong công việc; và tinh thần cầu tiến, hợp tác trong các vị trí công việc đảm nhận tại các đơn vị công tác;

(CĐR21) Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật và nội quy, quy định trong các vị trí công việc đảm nhận tại các đơn vị công tác; thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với các vị trí công việc đảm nhận, chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức, xã hội và pháp luật hiện hành của Nhà nước.

**2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và trình độ năng lực yêu cầu**

***2.1. Chuẩn đầu ra***

Bảng 1. Tổng hợp đánh giá chuẩn đầu ra của Chương trình Kinh tế và Quản lý Tài nguyên Môi trường theo các mức trình độ năng lực

| **Ký hiệu** | **Chủ đề chuẩn đầu ra** | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Kiến thức**  |  |
| **1.1** | **Kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế** |  |
| 1.1.1 | Giáo dục chính trị | (II) |
| 1.1.2 | Giáo dục quốc phòng - an ninh  | (II) |
| 1.1.3 | Giáo dục thể chất | (II) |
| 1.1.4 | Ngoại ngữ | (III) |
| 1.1.5 | Công nghệ thông tin | (III) |
| 1.1.6 | Kỹ năng mềm | (III) |
| **1.2** | **Kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo** |  |
|  | Các kiến thức cơ bản về Toán ứng dụng trong kinh tế, Tin học ứng dụng, Lý thuyết xác suất và thống kê toán | (III) |
| **1.3** | **Kiến thức chung cho nhóm ngành** |  |
|  | Các kiến thức chung và cơ bản nền tảng của ngành (Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Nguyên lý kế toán, Quản trị học, Tài chính - tiền tệ 1) | (III) |
| **1.4**  | **Kiến thức ngành, chuyên ngành, bổ trợ** |  |
| 1.4.1 | Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường và các kiển thức bổ trợ để nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề về kinh tế tài nguyên và môi trường; đánh giá, lựa chọn và vận dụng các công cụ quản lý tài nguyên môi trường vào giải quyết các vấn đề có liên quan nhằm hỗ trợ quá trình lập và ban hành quyết định, chính sách trong các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức có nhu cầu sử dụng nhân lực, dịch vụ đánh giá về kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường. | (IV) |
| 1.4.2 | Vận dụng thành thạo các kiến thức, nghiệp vụ chuyên sâu về Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường để thực hiện các phân tích kinh tế tài nguyên và môi trường, quản lý tài nguyên và môi trường theo yêu cầu của thực tiễn. | (III) |
| **1.5** | **Kiến thức thực tập và tốt nghiệp** |  |
|  | Sử dụng các kiến thức đại cương, kiến thức chung và kiến thức chuyên sâu, kỹ năng và phương pháp được học để thực hiện các nghiên cứu khóa luận về các chủ đề có liên quan tới chuyên ngành đào tạo | (III) |
| **2** | **Kỹ năng**  |  |
| 2.1 | Nhận diện vấn đề, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường để phân tích, thiết kế, xây dựng nghiên cứu, tổ chức và triển khai thực hiện, hoạch định, đánh giá các nghiên cứu, dự án, vấn đề kinh tế xã hội trong lĩnh vực kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường, chính sách tài nguyên môi trường, chiến lược phát triển bền vững tài nguyên, chính sách quản lý và bảo tồn tài nguyên; | (IV) |
| 2.2 | Trực tiếp chủ trì hoặc tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội – môi trường trong quản lý tài nguyên và môi trường hoặc các lĩnh vực khác có liên quan. | (IV) |
| 2.3 | Áp dụng kỹ năng điều tra và sử dụng được các công cụ toán học, công nghệ thông tin trong phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội trong quản lý tài nguyên và môi trường. | (IV) |
| 2.4 | Kỹ năng tư duy hệ thống, phân tích các vấn đề một cách logic, nhìn nhận vấn đề đa chiều dưới nhiều góc độ, và kỹ năng lập luận tư duy, giải quyết vấn đề để đưa ra các đánh giá, giải pháp thích hợp, thỏa đáng cho các tình huống công việc trong lĩnh vực kinh tế và quản lý tài nguyên và môi trường; | (III) |
| 2.5 | Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức (gồm kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu, bổ sung, cập nhật, phát triển kiến thức, và thực hành tư duy phản biện) trong học tập, nghiên cứu và làm việc để nâng cao hiệu quả công việc; | (III) |
| 2.6 | Kỹ năng: làm việc độc lập (tự học, tự nghiên cứu, tự chịu trách nhiệm) và làm việc nhóm (quản lý nhóm, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp), phong cách làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý và lãnh đạo, kỹ năng quản lý thời gian trong các công việc đảm nhận, kỹ năng giao tiếp, xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng trong các công việc đảm nhận. | (III) |
| **3** | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** |  |
| 3.1 | Năng lực tự học, tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập, phát triển nghề nghiệp suốt đời; | (III) |
| 3.2 | Năng lực thích ứng linh hoạt trong môi trường làm việc áp lực và cạnh tranh; sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro trong công việc; thực hành tư duy phản biện; phong cách làm việc tích cực, tự tin, nhiệt tình, say mê, tự chủ, năng động, sáng tạo trong công việc; thể hiện tinh thần cầu tiến, hợp tác trong các vị trí công việc đảm nhận tại các đơn vị công tác | (III) |
| 3.3 | Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật và nội quy, quy định trong các vị trí công việc đảm nhận tại các đơn vị công tác. Thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với các vị trí công việc đảm nhận, chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức, xã hội và pháp luật hiện hành của Nhà nước. | (III) |

**2.2. Trình độ năng lực:**

 Bảng 2. Chuẩn đầu ra theo mức trình độ năng lực

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhóm | Trình độ năng lực | Mô tả |
| 1. Nhớ | 0.0 – 2.0 (I) | Có khả năng tìm kiếm/ ghi nhớ |
| 2. Hiểu | 2.0 – 3.0 (II) | Có hiểu biết/ có thể tham gia |
| 3. Vận dụng | 3.0 – 3.5 (III) | Có khả năng vận dụng |
| 4. Phân tích | 3.5 – 4.0 (IV) | Có khả năng phân tích |
| 5. Đánh giá | 4.0 – 4.5 (V) | Có khả năng đánh giá |
| 6. Sáng tạo | 4.5 – 5.0 (VI) | Có khả năng sử dụng thông tin để sáng tạo cái mới |

**3. Đối tượng tuyển sinh:** Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo.

**4. Thời gian đào tạo:** 4 năm

**5. Số tín chỉ yêu cầu tối thiểu:** 130 tín chỉ

**6. Thang điểm:**

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ: A, B, C, D, F, I, X.

**7. Điều kiện tốt nghiệp:**

- Quy trình đào tạo theo tín chỉ.

- Sinh viên phải tích luỹ tối thiểu **130** tín chỉ. Trong đó, **97** tín chỉ bắt buộc và 33 tín chỉ tự chọn.

- Sinh viên phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chứng chỉ: Ngoại ngữ Anh văn trình độ B1, hoặc ngoại ngữ tương đương khác theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Đại học Huế; Chứng chỉ giáo dục thể chất; Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng

**8. Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân

9. Vị trí việc làm: *Cơ hội làm việc sau khi tốt nghiệp:*

Sinh viên sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế và Quản lý tài nguyên môi trường có thể làm việc trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, chương trình, dự án hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên môi trường, cụ thể:

- Chuyên viên, cán bộ tư vấn, giám sát thực hiện các dự án và các giải pháp bảo vệ môi trường, quản lý chất thải trong các khu công nghiệp và các doanh nghiệp,

- Chuyên viên, cán bộ quản lý tại các đơn vị quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, các chương trình, dự án về tài nguyên, môi trường của Chính phủ hoặc tổ chức phi chính phủ,

- Chuyên viên đánh giá tác động môi trường, quan trắc môi trường cho các dự án, xây dựng các đề án cho các doanh nghiệp, ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế,

- Chuyên viên giám sát thực thi pháp luật về trách nhiệm của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu kinh tế và trong các tập đoàn, doanh nghiêp,

- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu tài nguyên và môi trường hoặc giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng;

- Có thể tự khởi nghiệp sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.

- Tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, như học thạc sĩ, tiến sĩ nhóm ngành kinh tế và quản lý.

**10. Khả năng nâng cao trình độ:**

Hoàn thành chương trình học, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở các bậc học thạc sĩ, tiến sĩ nhóm ngành kinh tế và quản lý ở trong và ngoài nước.

**11. Nội dung chương trình và Kế hoạch dự kiến*:***

| **TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số Tín chỉ** | **Học kỳ dự kiến** | **Điều kiện tiên quyết (QHTQ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | **35/41** |  |  |
| **11.1.1. Lý luận chính trị** | **11/11** |  |  |
| 1 | LLCTTH3 | Triết học Mác-Lênin  | 3 | 1 |   |
| 2 | LLCTKT2 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin  | 2 | 2 | LLCTTH3 |
| 3 | LLCTXH2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 3 | LLCTTH3 |
| 4 | LTCTTT2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 4 | LLCTKT2 |
| 5 | LLCTLS2 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 5 | LLCTKT2; LLCTXH2 |
| **11.1.2. Khoa học xã hội – Nhân văn – Nghệ thuật** | **8/14** |  |  |
| 6 | LUAT1062 | Pháp luật đại cương | 2 | 1 |  |
| 7 | KTPT1012 | Địa lý kinh tế | (2) | 1 |  |
| 8 | KTPT1052 | Khoa học môi trường | (2) | 1 |  |
| 9 | KTPT5192 | Quản lý nhà nước về kinh tế | (2) | 4 |  |
| 10 | DHSP1022 | Tâm lý học đại cương | (2) | 2 |  |
| 11 | DHKH1042 | Xã hội học đại cương | (2) | 2 |  |
| 12 | KTPT1042 | Kỹ năng học tập và làm việc | (2) | 3 |  |
| **11.1.3. Ngoại ngữ** | **7/7** |  |  |
| 13 | DHNN1012 | Tiếng Anh cơ bản 1 | 2 | 1 |  |
| 14 | DHNN1022 | Tiếng Anh cơ bản 2 | 2 | 2 |  |
| 15 | DHNN1053 | Tiếng Anh cơ bản 3 | 3 | 3 |  |
| **11.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường** | **9/9** |  |  |
| 16 | HTTT1053 | Tin học ứng dụng | 3 | 1 |  |
| 17 | HTTT1043 | Toán ứng dụng trong kinh tế | 3 | 1 |  |
| 18 | HTTT1033 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 3 | 2 | HTTT1053; HTTT1043 |
| **11.1.5. Giáo dục thể chất** |  |   |  |
| **11.1.6. Giáo dục quốc phòng – an ninh** |  |   |  |
| **11.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | **95/128** |  |  |
| **11.2.1 Kiến thức của khối ngành**  | **15/15** |  |  |
| 19 | KTPT2023 | Kinh tế vi mô 1 | 3 | 3 | HTTT1043 |
| 20 | KTPT2033 | Kinh tế vĩ mô 1 | 3 | 2 | HTTT1043 |
| 21 | KTTC2013 | Nguyên lý kế toán | 3 | 3 |   |
| 22 | QTKD3023 | Quản trị học | 3 | 3 |   |
| 23 | KTTC2223 | Tài chính - tiền tệ 1 | 3 | 4 | KTPT2033 |
| **11.2.2 Kiến thức ngành, chuyên ngành** | **60/84** |  |  |
| ***11.2.2.1. Kiến thức chung của ngành*** | **15/24** |  |  |
| 24 | KTPT3043 | Kinh tế vi mô 2 | 3 | 4 | KTPT2033 |
| 25 | KTPT3053 | Kinh tế vĩ mô 2 | 3 | 3 | KTPT2023; KTPT2034 |
| 26 | KTPT3093 | Kinh tế môi trường | 3 | 5 | KTPT2023 |
| 27 | DHKT2013 | Phương pháp nghiên cứu | 3 | 5 | HTTT1033 |
| 28 | KTPT2103 | Kinh tế phát triển | (3) | 4 | KTPT2023, KTPT2033  |
| 29 | HTTT3473 | Thống kê trong Kinh tế và Kinh doanh | (3) | 6 | HTTT1033 |
| 30 | QTKD2013 | Marketing căn bản | (3) | 4 |   |
| 31 | LUAT3073 | Luật kinh tế | (3) | 4 | LUAT1062 |
| ***11.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành*** |  **45/60** |  |  |
| 32 | KTPT3183 | Kinh tế tài nguyên | 3 | 6 | KTPT2023 |
| 33 | KTPT3193 | Kinh tế và quản lý tài nguyên tái sinh (\*) (\*\*) | 3 | 6 | KTPT3043; KTPT3053 |
| 34 | KTPT4413 | Kinh tế và quản lý tài nguyên không tái sinh | 3 | 6 | HTTT1043; KTPT2023 |
| 35 | KTPT4383 | Định giá tài nguyên môi trường (\*\*) | 3 | 5 |   |
| 36 | KTPT4363 | Đánh giá tác động môi trường (\*) | 3 | 5 |   |
| 37 | KTPT3333 | Thương mại và môi trường | 3 | 5 | KTPT2023; KTPT2033 |
| 38 | KTPT3283 | Quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng (\*) (\*\*) | 3 | 7 |   |
| 39 | KTPT4253 | Phân tích lợi ích - chi phí | 3 | 5 |   |
| 40 | KTPT3203 | Nghèo đói và môi trường | 3 | 5 |   |
| 41 | LUAT4113 | Luật tài nguyên và môi trường | (3) | 5 | LUAT1062 |
| 42 | KTPT3263 | Quản lý môi trường doanh nghiệp  | (3) | 5 |   |
| 43 | KTPT4133 | Kinh tế nông nghiệp | (3) | 7 | KTPT2023; KTPT2033 |
| 44 | KTPT4073 | Quản lý môi trường nông nghiệp | (3) | 7 | KTPT3093 |
| 45 | KTPT4063 | Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp | (3) | 4 |   |
| 46 | KTPT3273 | Quản lý môi trường và tài nguyên biển  | (3) | 6 |   |
| 47 | KTPT3253 | Quản lý chất thải rắn  | (3) | 6 |   |
| 48 | KTPT3143 | Kinh tế lâm nghiệp | (3) | 6 | KTPT2023 |
| 49 | KTPT3163 | Kinh tế nuôi trồng thủy sản (\*\*)  | (3) | 5 | KTPT2023; KTPT2033 |
| 50 | KTPT3153 | Kinh tế nông hộ và trang trại | (3) | 6 | KTPT2023; KTPT2033 |
| 51 | HTTT2053 | Kinh tế lượng | (3) |   | HTTT1033 |
| **11.2.3. Kiến thức bổ trợ** |  **9/18** |  |  |
| 52 | DHKT2023 | Tiếng anh chuyên ngành | 3 | 5 |   |
| 53 | KTPT4213 | Lập và phân tích dự án | (3) | 5 | KTPT2023; KTPT2033 |
| 54 | KTPT4453 | Công nghệ môi trường | (3) | 4 |   |
| 55 | KTPT3073 | Các phương pháp nghiên cứu nông thôn | (3) | 7 |   |
| 56 | KTPT4263 | Kế hoạch hoá phát triển | (3) | 5 | KTPT2103 |
| 57 | KTPT4153 | Hệ thống nông nghiệp và tài nguyên (\*) | (3) | 4 |   |
| **11.2.4. Thực tập nghề nghiệp** |  **4/4** |  |  |
| 58 | KTPT5524 | [Thực tập nghề nghiệp](https://tacnghiep.hce.edu.vn/CMCSOFT.IU.Web/%28x24zfh45nwgbtjuh3bjzgh45%29/CMCSOFT.IU.TRAININGSYSTEM.WEB/V1_COURSEMANAGEMENT.ASPX) | 4 | 7 |  |
| **11.2.5. Thực tập cuối khóa** |  **7/7** |  |  |
| 59 | KTPT5527 | [Khóa luận cuối khóa](https://tacnghiep.hce.edu.vn/CMCSOFT.IU.Web/%28x24zfh45nwgbtjuh3bjzgh45%29/CMCSOFT.IU.TRAININGSYSTEM.WEB/V1_COURSEMANAGEMENT.ASPX) | 7 | 8 |  |
|   |   | **Tổng cộng** |  **30/169** |   |  |

***Ghi chú:*** *- Các học phần có dấu ( ) là các học phần tự chọn.*

*- Các học phần có dấu (\*): Là Học phần có phối hợp với doanh nghiệp*

*- Các học phần có dấu (\*\*): Là Học phần có tăng cường Tiếng Anh*

*- Các học phần có dấu (\*) (\*\*): Là Học phần có phối hợp với doanh nghiệp và Tăng cường Tiếng Anh*

 *- Chưa tính Giáo dục thể chất và Quốc phòng*

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Sinh viên Ngành kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường phải tích luỹ tối thiểu **130/169** tín chỉ, bao gồm:

(a) ***Phần kiến thức giáo dục đại cương:*** Sinh viên phải tích luỹ tối thiểu: **35/41** tín chỉ *(trong đó: phần Bắt buộc: 29 tín chỉ; phần Tự chọn tối thiểu: 6 trong tổng số 12 tín chỉ tự chọn).*

*(b)* ***Phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp***: Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **95/128** tín chỉ *(trong đó: phần Bắt buộc: 68 tín chỉ; phần Tự chọn tối thiểu: 27 trong tổng số 60 tín chỉ tự chọn).*

- **Chi tiết:**

*+ Khối kiến thức của khối ngành*: 15 tín chỉ;

*+ Kiến thức chung của ngành:* 15/24 tín chỉ *(trong đó: phần Bắt buộc: 12 tín chỉ; phần Tự chọn tối thiểu: 3 trong tổng số 12 tín chỉ tự chọn);*

+ *Kiến thức chuyên ngành:* 45/60 tín chỉ *(trong đó: phần Bắt buộc: 27 tín chỉ; phần Tự chọn tối thiểu: 18 trong tổng số 33 tín chỉ tự chọn);*

*+ Khối kiến thức bổ trợ:* 9/18 tín chỉ *(trong đó: phần Bắt buộc: 3 tín chỉ; phần Tự chọn tối thiểu: 6 trong tổng số 15 tín chỉ tự chọn);*

*+ Thực tập nghề nghiệp:* **4** tín chỉ. Sinh viên đi tập nghề nghiệp theo một trong hai hình thức: Toàn thời gian hoặc Bán thời gian.

 *+ Thực tập làm Khóa luận cuối khóa:* **7** tín chỉ. Sinh viên đã hoàn thành các học phần thuộc các khối kiến thức theo yêu cầu của Chương trình đào tạo.